

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/DS-ST
Ngày: 29 - 8 - 2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/QĐXX – ST ngày 10 tháng 7 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số: 33/QĐXX – ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Trần Thanh Ph, sinh năm 1977 (Có mặt)

Chị Nguyễn Thanh V, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

-Bị đơn: Ông Lê Văn Ch, sinh năm 1977

Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Ch, bà Ph vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2019 cùng các bản tự khai anh Trần Thanh Ph trình bày: Ông Lê Văn Ch, bà Nguyễn Thị Ph ký hợp đồng số: 05062017 ngày 05/6/2017 (DL) vay của anh Ph, chị V số tiền gốc là 22.500.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 1%/ tháng. Thời gian trả trong vòng 12 kỳ với tổng số tiền là gốc, lãi là 25.200.000đồng, chia đều mỗi kỳ trả gốc, lãi là 2.100.000đồng. Thời gian bắt đầu trả nợ vào ngày 05/7/2017 và kết thúc ngày 05/6/2018. Từ khi vay đến nay ông Ch, bà Ph chỉ trả được 09 kỳ là 18.900.000đồng, sau khi anh Ph, chị V gửi đơn khởi

kiện đến Tòa, ông Ch, bà Ph trả được 1.000.000đồng. Nay ông Ch, bà Ph còn nợ lại 5.300.000đồng.

Anh Ph, chị V yêu cầu ông Ch bà Ph phải trả số tiền vay còn nợ lại với số tiền 5.300.000đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng).

Đối với bị đơn ông Lê Văn Ch, bà Nguyễn Thị Ph, sau khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 13 tháng 3 năm 2019, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn theo biên bản tổng đạt ngày 15 ngày 3 tháng 2019, hết thời hạn có văn bản trả lời cho Tòa án, ông Ch, bà Ph không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Ngày 10 tháng 5 năm 2019 Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Ông Ch, bà Ph nhận văn bản nhưng vắng mặt không có lý do. Ngày 30 tháng 5 năm 2019 Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai, ông Ch bà Ph vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được thu thập hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa ý kiến của nguyên đơn, của bị đơn, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh Ph, chị Nguyễn Thanh V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn là ông Lê Văn Ch, bà Nguyễn Thị Ph có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được để tiếp tục giải quyết vụ án.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST – DS, vụ án được xét xử vào lúc 08 giờ ngày 31 tháng 7 năm 2019, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST – DS, ngày 31 tháng 7 năm 2019, phiên tòa được xét xử vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 29 tháng 8 năm 2019, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Ch, bà Ph là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét tại hợp đồng vay tiền do ông Ch, bà Ph ký hợp đồng số: 05062017 ngày 05/6/2017 (DL) vay của anh Ph, chị V số tiền gốc là 22.500.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Thời gian trả trong vòng 12 kỳ với tổng số tiền là gốc, lãi là 25.200.000đồng, chia đều mỗi kỳ trả gốc, lãi là 2.100.000đồng. Thời gian bắt đầu trả nợ vào ngày 05/7/2017 đến ngày 05/6/2018. Từ khi vay đến nay ông Ch, bà Ph chỉ trả được 09 kỳ là 18.900.000đồng, còn nợ lại 6.300.000đồng. Anh Ph, chị V yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông Ch, bà Ph phải trả số tiền còn nợ 6.300.000đồng nên phát sinh “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại Điều 463 ghi: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

[2.1] Xét đối với bị đơn là ông Ch, bà Ph Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai và tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Ch, bà Ph vẫn không đến tòa án giải quyết. Vì vậy căn cứ vào chứng cứ chứng minh của anh Ph, chị V đối với hợp đồng vay số: 05062017 ngày 05/6/2017 (DL) thì việc ông Ch, bà Ph vay của anh Ph, chị V số tiền gốc là 22.500.000đồng, thỏa thuận trả lãi trong 12 tháng là 2.700.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 25.200.000đồng, đến thời điểm xét xử đã trả được 19.900.000đồng, còn nợ lại 5.300.000đồng là có thật. Vì vậy buộc ông Ch, bà Ph phải trả số tiền 5.300.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Ph, chị V thống nhất giảm bớt một phần tiền lãi cho ông Ch, bà Ph với số tiền là 300.000đồng, chỉ yêu cầu ông Ch, bà Ph trả số tiền 5.000.000đồng. Đây là sự tự nguyện của anh Ph, chị V, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, buộc ông Ch, bà Ph có trách nhiệm liên đới trả cho anh Ph, chị V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là phù hợp 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh Ph, chị Nguyễn Thanh V.

Buộc ông Lê Văn Ch, bà Nguyễn Thị Ph phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Trần Thanh Ph, chị Nguyễn Thanh V số tiền còn nợ 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 29/8/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ch, bà Ph phải chịu 250.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Ph, chị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Ph, chị V 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BH/2017/0009256 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/8/2019).

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CCTHADS H.Th;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ & Văn Phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Trinh